



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Quyết định Thành lập số 974/QĐ-TTg

Ngày 25 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008

Ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 6 tháng 10 năm 2021. Các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tiến Trường
Ông Trần Quang Nghị
Ông Đặng Vũ Hùng
Ông Vũ Hồng Tuấn
Ông Nguyễn Xuân Đông
Ông Lê Khắc Hiệp

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên (từ ngày 29/6/2021)
Ủy viên (đến ngày 29/6/2021)

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Cao Hữu Hiếu
Ông Đặng Vũ Hùng
Ông Nguyễn Song Hải
Bà Phạm Nguyên Hạnh
Ông Lê Trung Hải
Ông Phạm Văn Tân
Ông Lê Mạc Thuấn
Ông Cao Hữu Hiếu
Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Phạm Xuân Trình

Tổng Giám đốc (từ ngày 4/10/2021)
Tổng Giám đốc (đến ngày 4/10/2021)
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 10/1/2022)
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/12/2021)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 4/10/2021)
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc điều hành (từ ngày 29/3/2021)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng
Bà Đoàn Thị Thu Hương
Bà Đặng Thị Hồng Lê
Bà Nguyễn Lê Trà My
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (đến ngày 29/6/2021)

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 63 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Cao Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 63.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00241-22-1



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2019-007-1



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.691.252.799.408	2.352.207.051.966
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	95.919.885.830	73.800.360.481
Tiền	111		66.919.885.830	63.416.675.864
Các khoản tương đương tiền	112		29.000.000.000	10.383.684.617
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.274.904.700.000	935.258.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	1.274.904.700.000	935.258.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.142.822.790.442	1.208.458.211.373
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	270.636.099.621	261.773.732.407
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	91.313.741.567	52.006.149.027
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8(a)	208.209.679.062	226.733.263.412
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	573.361.332.092	668.643.128.427
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(698.061.900)	(698.061.900)
Hàng tồn kho	140	11	161.525.197.060	119.193.362.275
Hàng tồn kho	141		165.290.475.942	122.643.076.577
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.765.278.882)	(3.449.714.302)
Tài sản ngắn hạn khác	150		16.080.226.076	15.497.117.837
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.192.069.355	2.712.193.311
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.687.090.475	12.389.704.327
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18(a)	1.201.066.246	395.220.199

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		5.744.158.185.493	5.913.814.394.191
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.558.807.565.975	1.631.078.372.621
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8(b)	1.285.956.920.698	1.345.827.410.069
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	272.850.645.277	285.250.962.552
Tài sản cố định	220		992.833.593.100	1.100.734.295.866
Tài sản cố định hữu hình	221	12	933.271.962.271	1.039.404.891.409
<i>Nguyên giá</i>	222		1.727.153.894.887	1.724.871.413.805
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(793.881.932.616)	(685.466.522.396)
Tài sản cố định vô hình	227	13	59.561.630.829	61.329.404.457
<i>Nguyên giá</i>	228		81.790.248.511	81.790.248.511
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(22.228.617.682)	(20.460.844.054)
Tài sản dở dang dài hạn	240		104.028.340.787	65.060.414.073
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	104.028.340.787	65.060.414.073
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	3.042.277.385.037	3.064.771.104.226
Đầu tư vào công ty con	251		2.142.081.329.010	2.142.081.329.010
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.054.718.469.630	1.082.737.329.878
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		55.758.224.260	55.758.224.260
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(210.280.637.863)	(215.805.778.922)
Tài sản dài hạn khác	260		46.211.300.594	52.170.207.405
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	46.211.300.594	52.170.207.405
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.435.410.984.901	8.266.021.446.157

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

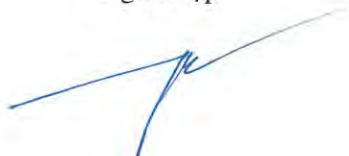
Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.334.542.504.357	2.453.586.628.518
Nợ ngắn hạn	310		615.499.120.454	512.771.354.863
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	209.174.365.943	100.377.686.931
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	8.429.527.645	4.158.812.248
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18(b)	4.296.923.754	4.058.327.777
Phải trả người lao động	314		36.900.182.395	23.381.281.404
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19(a)	2.347.570.703	3.995.368.142
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		248.500.000	447.293.939
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	21.975.004.915	33.416.731.354
Vay ngắn hạn	320	21(a)	303.136.724.054	317.232.610.967
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	28.990.321.045	25.703.242.101
Nợ dài hạn	330		1.719.043.383.903	1.940.815.273.655
Chi phí phải trả dài hạn	333	19(b)	21.819.456.000	22.768.128.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	248.500.000
Phải trả dài hạn khác	337		250.067.530	402.584.805
Vay dài hạn	338	21(b)	1.696.973.860.373	1.917.396.060.850
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		6.100.868.480.544	5.812.434.817.639
Vốn chủ sở hữu	410	23	6.076.612.336.602	5.786.137.046.677
Vốn cổ phần	411	24	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.361.932.352	30.361.932.352
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		503.157.559.155	212.682.269.230
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		192.682.269.230	66.480.116.833
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		310.475.289.925	146.202.152.397
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	25	543.092.845.095	543.092.845.095
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		24.256.143.942	26.297.770.962
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	26	24.256.143.942	26.297.770.962
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.435.410.984.901	8.266.021.446.157

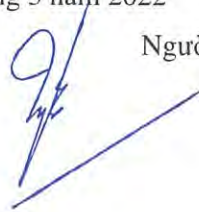
Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	1.297.471.893.056	1.142.054.378.825
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	-	114.183.266
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	1.297.471.893.056	1.141.940.195.559
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	1.130.756.584.088	1.053.034.108.508
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		166.715.308.968	88.906.087.051
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	326.544.553.353	297.342.148.968
Chi phí tài chính	22	31	30.676.035.494	82.057.733.103
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		35.029.480.087	59.319.608.732
Chi phí bán hàng	25	32	41.281.838.582	58.751.389.637
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	112.544.500.091	104.115.125.676
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		308.757.488.154	141.323.987.603
Thu nhập khác	31		5.138.041.909	6.492.205.612
Chi phí khác	32		2.956.830.308	1.614.040.818
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.181.211.601	4.878.164.794
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		310.938.699.755	146.202.152.397
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	463.409.830	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		310.475.289.925	146.202.152.397

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiệu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		310.938.699.755	146.202.152.397
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		111.227.013.555	112.392.933.867
Các khoản dự phòng	03		(5.209.576.479)	17.552.865.275
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(8.603.255.048)	(11.176.177)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(316.669.906.814)	(293.915.700.650)
Chi phí lãi vay	06		35.029.480.087	59.319.608.732
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		126.712.455.056	41.540.683.444
Biến động các khoản phải thu	09		20.437.141.949	(67.431.114.059)
Biến động hàng tồn kho	10		(42.647.399.365)	156.170.033.910
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		133.212.018.913	(19.753.490.026)
Biến động chi phí trả trước	12		1.207.390.691	3.185.370.595
			238.921.607.244	113.711.483.864
Tiền lãi vay đã trả	14		(35.505.349.558)	(61.655.302.245)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(448.150.277)	-
Tiền trả về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp	17		-	(357.614.866.635)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(16.712.921.056)	(4.997.961.666)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		186.255.186.353	(310.556.646.682)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(112.796.815.477)	(32.377.580.434)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		4.849.090.909	164.090.909
Gửi tiền gửi có kỳ hạn và tiền chi cho vay	23		(1.368.326.700.000)	(1.220.291.631.230)
Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn và tiền thu hồi cho vay	24		1.090.430.090.160	1.589.687.136.551
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(34.461.056.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		47.846.700.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27		380.877.743.848	409.798.080.438
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		42.880.109.440	712.519.040.234
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		556.430.504.127	558.235.608.451
Tiền trả nợ gốc vay	34		(763.646.436.124)	(725.126.311.551)
Tiền trả cổ tức	36		(14.809.000)	(249.951.450.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(207.230.740.997)	(416.842.153.600)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		21.904.554.796	(14.879.760.048)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		73.800.360.481	87.308.080.590
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		214.970.553	1.372.039.939
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	95.919.885.830	73.800.360.481

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Tập đoàn”) được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, đay tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải; vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Sự bùng phát trở lại trên diện rộng của đại dịch Covid-19 bắt đầu từ cuối tháng 4 năm 2021 ở Việt Nam đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người dân và hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn và phòng ngừa, trong đó nổi bật là việc thực hiện cách ly xã hội trong thời gian dài và đẩy mạnh tiêm chủng toàn dân. Đến nay, tỷ lệ bao phủ vắc-xin phòng Covid-19 tại Việt Nam đã đạt trên 90%, tuy nhiên, ảnh hưởng của dịch bệnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có Tập đoàn Dệt may Việt Nam, phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-047 ngày 16 tháng 4 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-049 ngày 4 tháng 11 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-050 ngày 1 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-051 ngày 26 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Trung tâm Thời trang Vinatex	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-052 ngày 11 tháng 4 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy May Quế Sơn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-053 ngày 25 tháng 5 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 33 công ty liên kết (1/1/2021: 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 34 công ty liên kết), được trình bày tại Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 647 nhân viên (1/1/2021: 672 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, ngoại trừ việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ như được trình bày ở Thuyết minh 3(a).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn ở Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCĐN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính. Theo đó, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng số lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn đã phân bổ toàn bộ số lỗ còn lại vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
 - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
 - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
 - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(o)(ii)).

(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn Dệt may Việt Nam có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng từ 10 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3(a), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

(iv) Chi phí khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực hoặc cơ bản cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) **Doanh thu**

(i) **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) **Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) **Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(o) **Doanh thu hoạt động tài chính**

(i) **Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(c)(ii)).

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê không phải thuê tài chính được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(ii) Các khoản thanh toán thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm trước.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.275.505.340	1.843.261.851
Tiền gửi ngân hàng	65.532.145.990	61.461.615.473
Tiền đang chuyển	112.234.500	111.798.540
Các khoản tương đương tiền	29.000.000.000	10.383.684.617
	<hr/>	<hr/>
	95.919.885.830	73.800.360.481

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 7.562 triệu VND (1/1/2021: 7.562 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 20(i)).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	1.274.904.700.000	1.284.781.270.090	935.258.000.000	945.618.000.559
▪ Tiền gửi có kỳ hạn				

Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm từ 3,1% đến 6,1% (1/1/2021: 3,0% đến 7,5%).

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm giá gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 1 tháng 1 năm 2021 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Ban lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 1 tháng 1 năm 2021.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm 110.000 triệu VND (1/1/2021: 110.000 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 21(b)(ii)).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021				1/1/2021					
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:										
• Công ty con										
• Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương	100,00%	100,00%	163.627.554.636	(83.445.415.676)	(*)	100,00%	100,00%	163.627.554.636	(12.474.151.268)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	64,96%	64,96%	189.153.465.950	-	(*)	64,96%	64,96%	189.153.465.950	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân	100,00%	100,00%	115.191.925.340	(10.187.335.620)	(*)	100,00%	100,00%	115.191.925.340	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(19.407.955.167)	(*)	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(19.271.678.832)	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phú Nội	51,00%	51,00%	38.633.449.251	-	(*)	51,00%	51,00%	38.633.449.251	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	53,85%	53,85%	73.657.321.350	-	(*)	53,85%	53,85%	73.657.321.350	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt May Huế	63,90%	63,90%	172.033.729.000	-	(*)	63,90%	63,90%	172.033.729.000	-	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	100,00%	100,00%	500.000.000.000	-	(*)	100,00%	100,00%	500.000.000.000	(98.655.224.059)	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	100,00%	100,00%	191.301.358.205	(54.339.421.226)	(*)	100,00%	100,00%	191.301.358.205	(44.626.666.517)	(*)
• Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	52,00%	52,00%	33.800.000.000	-	(*)	52,00%	52,00%	33.800.000.000	(2.939.865.693)	(*)
			2.142.081.329.010	(193.412.627.689)				2.142.081.329.010	(204.000.086.369)	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2021				1/1/2021					
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết										
• Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	27,69%	27,69%	64.157.524.344	-	(*)	27,69%	27,69%	64.157.524.344	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	-	-	-	-	(*)	21,21%	21,21%	28.018.860.248	-	(*)
• Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	35,21%	35,21%	48.705.037.797	-	(*)	35,21%	35,21%	48.705.037.797	-	(*)
• Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	35,01%	35,01%	47.350.233.012	-	(*)	35,01%	35,01%	47.350.233.012	-	(*)
• Tổng Công ty May 10 – CTCP	33,82%	33,82%	97.190.682.268	-	(*)	33,82%	33,82%	97.190.682.268	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	288.033.867.683	-	(*)	30,40%	30,40%	288.033.867.683	-	(*)
• Tổng Công ty Việt Thăng – CTCP	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)
• Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác			312.976.679.391	(543.856.032)	(*)			312.976.679.391	(410.864.901)	(*)
			1.054.718.469.630	(543.856.032)				1.082.737.329.878	(410.864.901)	
Đơn vị khác										
• Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	2,1%	2,1%	19.450.204.510	(16.324.154.142)		2,5%	2,5%	19.450.204.510	(11.394.827.652)	
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thăng	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-		18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	
• Các khoản đầu tư khác			30.002.094.390	-				30.002.094.390	-	
			55.758.224.260	(16.324.154.142)				55.758.224.260	(11.394.827.652)	
			3.252.558.022.900	(210.280.637.863)				3.280.576.883.148	(215.805.778.922)	

(*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 13 công ty con cấp 1 và 19 công ty liên kết cấp 1 (1/1/2021: có 13 công ty con cấp 1 và 20 công ty liên kết). Các công ty con và công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thoái toàn bộ vốn ở một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải thu của khách hàng là các công ty con		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	22.302.805.243	16.441.175.672
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt 8/3	32.184.918.638	58.236.541.021
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	-	61.485.672
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	61.843.907.911	64.593.907.911
▪ Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	22.094.047.363	6.495.878.860
▪ Các công ty con khác	3.413.749.240	2.235.112.715
Phải thu của khách hàng là các công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	-	9.900.000
▪ Các công ty liên kết khác	886.688.326	348.221.174
Phải thu các khách hàng khác		
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Hoàng	71.626.514.137	66.417.465.501
▪ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	14.150.382.882	280.832.588
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	14.070.331.087	12.916.052.995
▪ Xiamen ITG Group Corp., Ltd	-	2.551.702.579
▪ Các khách hàng khác	28.062.754.794	31.185.455.719
	270.636.099.621	261.773.732.407

Khoản phải thu từ các công ty con và công ty liên kết không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trả trước cho người bán là các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	19.462.747.660	19.462.747.660
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	-	12.746.104.727
▪ Các công ty con khác	92.504.851	-
Trả trước cho người bán là các công ty liên kết		
▪ Các công ty liên kết	2.852.416.690	3.127.067.340
Trả trước cho người bán là bên thứ ba		
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	9.533.312.362	9.533.312.362
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Phước Thành	36.037.529.911	-
▪ Công ty TNHH Thiên Việt Kỹ Thuật	12.634.875.000	-
▪ Các nhà cung cấp khác	10.700.355.093	7.136.916.938
	91.313.741.567	52.006.149.027

8. Phải thu về cho vay**(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu về cho vay các công ty con		
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2	35.000.000.000	71.423.584.350
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	64.999.388.608	32.599.388.608
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May – Khoản 1	3.023.251.050	3.023.251.050
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May – Khoản 2 (*)	75.987.039.404	75.987.039.404
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	-	23.700.000.000
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	6.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương	3.200.000.000	-
Phải thu về cho vay các công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
	208.209.679.062	226.733.263.412

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(*) Khoản phải thu về cho vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Số 20, Phố Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May và không tính lãi.

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn khác không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi theo lãi suất năm từ 0% đến 9% (1/1/2021: từ 0% đến 9%).

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu về cho vay các công ty con			
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (i)	2035	514.420.670.005	531.150.923.620
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (i) – công ty con cấp 2	2035	210.167.714.008	217.002.896.414
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (i)	2035	206.936.601.158	213.666.699.872
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (i)	2035	130.166.663.496	134.400.010.740
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 2	2022	-	32.400.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	2035	78.626.493.876	81.183.625.042
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2 (i)	2035	73.505.789.988	75.896.383.023
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân (i)	2035	58.232.988.167	60.126.871.358
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương (ii)	2024	6.400.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt may (iii)	2023	3.500.000.000	-
▪ Công ty TNHH Tổng công ty Dệt may miền Nam – Vinatex (iv)	2023	4.000.000.000	-
		1.285.956.920.698	1.345.827.410.069

- (i) Đây là các khoản Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các công ty con vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh 21(b)(ii)). Các khoản cho vay này được tính lãi theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải trả cho Ngân hàng Phát triển Châu Á và phí phải trả Bộ Tài chính cộng thêm 0,5% phí quản lý của Tập đoàn.
- (ii) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất theo lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng loại trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam công bố áp dụng đối với các tổ chức, được điều chỉnh 6 tháng một lần.
- (iii) Khoản phải thu về cho vay này được đảm bảo bằng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đáp Cầu Yên Phong của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt may và hưởng lãi suất 4,6%/năm.
- (iv) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 6%/năm, từ tháng 5 năm 2022 trở đi được điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Cổ tức phải thu	259.152.932.833	338.608.618.393
Phải thu Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (*)	136.932.000.000	136.932.000.000
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	79.028.427.789	89.688.194.717
Tiền lãi cho vay	16.275.710.933	27.361.743.394
Lãi tiền gửi	9.876.570.090	10.360.000.559
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân do điều chuyển tài sản	20.205.443.387	20.205.443.387
Quyết toán vốn đầu tư theo Quyết toán cổ phần hóa vào Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân (**)	15.381.160.391	15.381.160.391
Phải thu Công ty Cổ Phần Dệt May Liên Phương	16.322.000.000	16.322.000.000
Tạm ứng cho công nhân viên	825.028.670	1.403.311.752
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	19.362.057.999	12.380.655.834
	<hr/>	<hr/>
	573.361.332.092	668.643.128.427

(*) Khoản phải thu này liên quan đến khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.

(**) Đây là chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn thực góp ở Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân và giá trị của khoản đầu tư tài chính dài hạn vào công ty con này được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần được phê duyệt theo Quyết định 1080 về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước Công ty mẹ – Tập đoàn Dệt May Việt Nam do Bộ Công thương ban hành vào ngày 7 tháng 4 năm 2020. Đối với các công ty con mà Tập đoàn Dệt May sở hữu 100%, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh theo giá trị thực góp vào công ty, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại được phê duyệt theo Quyết định 1080 và giá trị thực góp sẽ được nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp và ghi nhận khoản phải thu hoặc phải trả công ty con tương ứng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty con		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	38.158.468.861	80.931.462.757
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội – công ty con cấp 2	153.060.293.182	156.664.174.732
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2	107.120.975	4.556.715.583
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	14.917.192.734	22.236.413.809
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	64.930.946.071	68.375.247.853
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	15.345.939.000	2.557.875.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	9.699.319.498	5.230.778.270
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	25.201.175.624	20.946.715.558
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	79.028.427.789	89.688.194.717
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	16.320.000.000	16.320.000.000
▪ Các công ty con khác	31.562.973.902	16.112.498.145
Công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	16.087.104.000	80.435.520.000
▪ Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	24.637.500.000	16.753.500.000
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	14.230.337.500	11.384.271.360
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	5.040.000.000	6.048.000.000
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	7.923.055.000	6.338.446.000
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	10.227.398.000	12.272.877.600
▪ Các công ty liên kết khác	35.325.785.629	38.862.777.175
	<hr/>	<hr/>
	561.803.037.765	655.715.468.559

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải thu dài hạn khác từ công ty con		
Tài sản bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (i)	97.802.456.331	110.202.773.606
Phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2 (ii)	170.496.650.079	170.496.650.079
Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	4.533.252.508	4.533.252.508
Khác	18.286.359	18.286.359
	272.850.645.277	285.250.962.552

- (i) Phản ánh giá trị ghi sổ của các tài sản thuộc Dự án Nhà máy May Quảng Bình và Nhà máy May Tuyên Quang mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tạm bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex trong năm 2016 và 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng ghi nhận các khoản vay dài hạn có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này (Thuyết minh 21(b)). Các khoản phải thu và nợ phải trả này sẽ được xử lý khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoàn thành xong các thủ tục bàn giao các khoản nợ phải trả còn lại có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng này, các thủ tục này vẫn đang được thực hiện.
- (ii) Phản ánh khoản tiền chuyên mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2021				1/1/2021			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần May Nam An	Trên 3 năm	254.193.100	(254.193.100)	-	Trên 3 năm	254.193.100	(254.193.100)	-
Công ty Cổ phần May Bình Minh	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-
Công ty Cổ phần Tư vấn	Trên 3 năm	171.102.254	(171.102.254)	-	Trên 3 năm	171.102.254	(171.102.254)	-
Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	Trên 3 năm	72.766.546	(72.766.546)	-	Trên 3 năm	72.766.546	(72.766.546)	-
Công ty Cổ phần Cơ khí								
Dệt may Hưng Yên								
		698.061.900	(698.061.900)	-		698.061.900	(698.061.900)	-
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(698.061.900)				(698.061.900)	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	72.066.752.635	-	37.836.716.954	-
Nguyên vật liệu	55.748.239.888	(1.855.019.429)	52.222.108.064	(1.644.212.603)
Công cụ và dụng cụ	3.116.338.566	-	2.361.874.235	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.684.568.541	-	9.287.946.452	-
Thành phẩm	18.322.590.844	(1.910.259.453)	16.140.574.475	(1.805.501.699)
Hàng hóa	3.351.985.468	-	4.793.856.397	-
	<u>165.290.475.942</u>	<u>(3.765.278.882)</u>	<u>122.643.076.577</u>	<u>(3.449.714.302)</u>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 1.855 triệu VND nguyên vật liệu, 3.115 triệu VND thành phẩm và 630 triệu VND hàng hóa (1/1/2021: 1.215 triệu VND nguyên vật liệu và 16.141 triệu VND thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	537.700.981.864	1.088.133.822.637	50.998.061.319	48.038.547.985	1.724.871.413.805
Tăng trong năm	112.042.203	1.978.706.138	4.407.200.000	235.901.791	6.733.850.132
Thanh lý	(4.420.914.505)	-	-	(30.454.545)	(4.451.369.050)
Số dư cuối năm	533.392.109.562	1.090.112.528.775	55.405.261.319	48.243.995.231	1.727.153.894.887
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	212.646.988.773	412.810.450.105	31.244.104.517	28.764.979.001	685.466.522.396
Khấu hao trong năm	26.641.159.353	75.602.982.003	3.923.006.508	4.091.291.883	110.258.439.747
Thanh lý	(1.812.574.982)	-	-	(30.454.545)	(1.843.029.527)
Số dư cuối năm	237.475.573.144	488.413.432.108	35.167.111.025	32.825.816.339	793.881.932.616
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	325.053.993.091	675.323.372.532	19.753.956.802	19.273.568.984	1.039.404.891.409
Số dư cuối năm	295.916.536.418	601.699.096.667	20.238.150.294	15.418.178.892	933.271.962.271

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 107.725 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 97.176 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 722.181 triệu VND (1/1/2021: 800.614 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 21(b)).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	78.833.849.210	2.956.399.301	81.790.248.511
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	18.198.824.608	2.262.019.446	20.460.844.054
Khấu hao trong năm	1.638.730.776	129.042.852	1.767.773.628
Số dư cuối năm	19.837.555.384	2.391.062.298	22.228.617.682
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	60.635.024.602	694.379.855	61.329.404.457
Số dư cuối năm	58.996.293.826	565.337.003	59.561.630.829

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản cố nguyên giá 2.041 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 1.980 triệu VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	65.060.414.073	44.551.177.250
Tăng trong năm	38.967.926.714	30.590.465.050
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(10.050.306.227)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(30.922.000)
Số dư cuối năm	104.028.340.787	65.060.414.073

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Nhà máy Sợi Nam Định	18.841.452.363	18.841.452.363
Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	5.236.283.563	5.089.929.018
Dự án 39-41 Võ Văn Kiệt	73.439.008.888	34.952.147.919
Các công trình khác	6.511.595.973	6.176.884.773
Số dư cuối năm	104.028.340.787	65.060.414.073

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 22.562 triệu VND (1/1/2021: 22.416 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 21(b)).

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (*) VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	41.948.300.795	6.734.362.572	3.029.212.876	458.331.162	52.170.207.405
Tăng trong năm	-	3.906.649.868	-	374.002.428	4.280.652.296
Phân bổ trong năm	(1.242.427.200)	(5.451.557.661)	(3.029.212.876)	(516.361.370)	(10.239.559.107)
Số dư cuối năm	40.705.873.595	5.189.454.779	-	315.972.220	46.211.300.594

(*) Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái được trình bày ở Thuyết minh 3(a).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải trả người bán là các công ty con		
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	-	122.549.288
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	-	51.044.050
▪ Tổng Công ty CP Dệt may Hòa Thọ	131.545.680	83.811.334
▪ Các công ty con khác	-	532.441.669
Phải trả người bán là các công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	106.060.336.229	54.531.890.534
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	4.133.888.027	357.575.726
▪ Các công ty liên kết khác	92.097.582	874.324.814
Phải trả người bán khác		
▪ Olam International Limited	31.236.164.906	-
▪ Devcot S.A	19.030.531.925	732.201
▪ Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	7.274.826.926	1.445.562.329
▪ Agrograin Ltd. Sucursal Uruguay	166.844.994	23.516.803.590
▪ Viterra B.V.	28.760.315.564	-
▪ Các nhà cung cấp khác	12.287.814.110	18.860.951.396
	209.174.365.943	100.377.686.931

Khoản phải trả các công ty con và các công ty liên kết không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/ được hoàn trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	31/12/2021 VND
Thuế						
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.685.449.333	65.471.444.093	-	(32.476.336.808)	(33.100.862.289)	3.579.694.329
<i>Văn phòng</i>	500.406.419	23.245.827.090	-	(2.149.486.353)	(21.596.747.156)	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	2.411.015.634	37.749.510.693	-	(27.946.509.176)	(8.946.186.697)	3.267.830.454
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	1.761.071.705	-	-	(1.761.071.705)	-
<i>Trung tâm Thời trang Vinatex</i>	774.027.280	2.715.034.605	-	(2.380.341.279)	(796.856.731)	311.863.875
Các loại thuế khác	164.232.866	-	2.799.274.751	(2.246.278.192)	-	717.229.425
+ Thuế môn bài	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Nhà máy May Quế Sơn</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Trung tâm Thời trang Vinatex</i>	-	-	2.000.000	(2.000.000)	-	-
+ Thuế thu nhập cá nhân	164.232.866	-	2.748.719.492	(2.195.722.933)	-	717.229.425
<i>Văn phòng</i>	102.733.548	-	2.576.861.379	(2.000.385.847)	-	679.209.080
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	33.790.619	-	62.558.321	(78.643.286)	-	17.705.654
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	24.499.807	-	47.476.563	(68.546.672)	-	3.429.698
<i>Trung tâm Thời trang Vinatex</i>	3.208.892	-	61.823.229	(48.147.128)	-	16.884.993
+ Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	42.555.259	(42.555.259)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	-	26.821.684	(26.821.684)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	-	15.733.575	(15.733.575)	-	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Chi phí phải trả****(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	126.031.350	266.459.598
Chi phí phải trả khác	1.272.867.353	2.780.236.544
	<hr/>	<hr/>
	1.398.898.703	3.046.696.142
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	948.672.000	948.672.000
	<hr/>	<hr/>
	2.347.570.703	3.995.368.142

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	22.768.128.000	23.716.800.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	21.819.456.000	22.768.128.000

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 50 năm (từ ngày 14 tháng 3 năm 2005 đến ngày 14 tháng 3 năm 2055), được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2012 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam) của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
– Phải trả quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.693.254.921
Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt kim Đông xuân		
– Phải trả quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	3.055.465.397
Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt 8/3 – Phải trả khác	-	522.970.203
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
– Quyết toán vốn đầu tư theo Quyết toán cổ phần hóa	-	5.375.748.524
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
– Quyết toán chi phí cổ phần hóa	-	1.300.091.928
Các bên khác		
Phải trả cho các trường đào tạo (i)	7.562.091.012	7.562.091.012
Quỹ từ thiện	3.145.248.287	3.145.248.287
Lãi vay phải trả	1.939.235.241	2.274.676.464
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.057.441.227	628.151.837
Cổ tức phải trả	345.104.125	359.913.125
Các khoản phải trả khác	7.925.885.023	7.499.119.656
	21.975.004.915	33.416.731.354

(i) Phải trả cho các trường đào tạo là phần vốn xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN, chi tiết như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex	1.190.698.513	1.190.698.513
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May Thời trang Hà Nội	5.590.422.000	5.590.422.000
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex Thành phố Hồ Chí Minh	780.970.499	780.970.499
	7.562.091.012	7.562.091.012

Tại ngày của báo cáo này, các trường đào tạo chưa quyết toán xong các dự án nâng cấp, mở rộng trường nên Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa giải ngân các khoản này.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2021		Biến động trong năm		31/12/2021	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	179.247.031.648	556.430.504.127	(527.221.112.247)	(2.944.849.168)	205.511.574.360	
Vay dài hạn đến hạn trả	137.985.579.319	136.786.915.331,00	(175.652.946.623)	(1.494.398.333)	97.625.149.694	
	317.232.610.967	693.217.419.458	(702.874.058.870)	(4.439.247.501)	303.136.724.054	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình	USD	2,3%	51.450.759.846	51.987.295.846
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	USD	2,3%	136.807.715.754	127.259.735.802
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	USD	2,3%	17.253.098.760	-
			205.511.574.360	179.247.031.648

Các khoản vay ngắn hạn không được đảm bảo.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm %	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (i)	USD	2,8%	2025	20.949.598.314	67.997.462.558
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (i)	VND	8,1%	2025	-	42.716.960.190
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ii)	USD	Thả nổi	2020-2039	1.546.192.755.805	1.596.819.840.335
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	VND	8,0%	2027	-	2.125.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	USD	2,8%	2027	63.350.880.000	103.399.610.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình (iv)	USD	2,8%	2028	85.766.403.466	118.447.519.141
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình (iv)	VND	8,5%	2028	-	13.006.426.357
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai (v)	VND	8,2%	2025	-	3.557.371.071
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai (v)	USD	2,7%	2025	16.949.385.840	25.745.435.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (vi)	VND	7,6%	2024	21.892.752.842	30.649.832.842
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (vi)	USD	2,7%	2024	39.497.233.800	50.916.182.675
				1.794.599.010.067	2.055.381.640.169
				(97.625.149.694)	(137.985.579.319)
				1.696.973.860.373	1.917.396.060.850

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 21(a))

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Nam Định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 210.024 triệu VND (1/1/2021: 227.715 triệu VND).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng:
- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 107.238 triệu VND (1/1/2021: 125.357 triệu VND);
 - một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú;
 - các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2021: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với giá trị 110.000 triệu VND) (Thuyết minh 5(a));

Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần theo công thức: Libor 6 tháng bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ (-) một khoản giảm trừ là 0,1% cộng (+) phí bảo hiểm kỳ hạn 0,2%. Khoản vay được hoàn trả từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2039, trong 40 kỳ nửa năm, số tiền trả mỗi kỳ được xác định bằng cách nhân tổng số nợ gốc đã rút với phần trả mỗi lần (%) được quy định trong hợp đồng vay.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

- (iii) Các khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định của Văn phòng Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 143.208 triệu VND (1/1/2021: tài sản cố định với giá trị còn lại là 159.298 triệu VND).
- (iv) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 279.037 triệu VND (1/1/2021: 305.570 triệu VND).
- (v) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho Dự án Nhà máy May Quế Sơn với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 5.236 triệu VND (1/1/2021: 5.090 triệu VND).
- (vi) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Tuyên Quang bao gồm các tài sản đã được Tập đoàn chuyển giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex, một công ty thuộc sở hữu 100% của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	25.703.242.101	21.360.061.995
Trích lập trong năm (Thuyết minh 23)	20.000.000.000	10.000.000.000
Sử dụng trong năm	(16.712.921.056)	(4.997.961.666)
Phân phối cho các công ty con	-	(658.858.228)
Số dư cuối năm	28.990.321.045	25.703.242.101

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2020	5.000.000.000.000	30.361.932.352	326.480.116.833	543.092.845.095	5.899.934.894.280
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	146.202.152.397	-	146.202.152.397
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(10.000.000.000)	-	(10.000.000.000)
Cổ tức	-	-	(250.000.000.000)	-	(250.000.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2021	5.000.000.000.000	30.361.932.352	212.682.269.230	543.092.845.095	5.786.137.046.677
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	310.475.289.925	-	310.475.289.925
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(20.000.000.000)	-	(20.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2021	5.000.000.000.000	30.361.932.352	503.157.559.155	543.092.845.095	6.076.612.336.602

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	31/12/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành					
	Số cổ phiếu	31/12/2021 VND	%	Số cổ phiếu	1/1/2021 VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
ITOCHU Corporation	65.000.000	650.000.000.000	13,00%	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
Tập đoàn Vingroup – CTCP	25.000.000	250.000.000.000	5,00%	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	-	-	-	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	142.561.900	1.425.619.000.000	28,51%	87.561.900	875.619.000.000	17,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư bao gồm:

	Tại ngày 31/12/2021 và ngày 1/1/2021 VND
Dự án Nhà máy Kéo sợi	104.848.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường	85.600.000.000
Dự án Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi	85.000.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Nam Định	80.900.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng	69.164.195.144
Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung	54.496.650.079
Dự án Nhà máy May Dệt kim	32.083.999.872
Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt	31.000.000.000
	<hr/>
	543.092.845.095
	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	26.297.770.962	28.339.397.982
Hao mòn của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam	(2.041.627.020)	(2.041.627.020)
Số dư cuối năm	<u>24.256.143.942</u>	<u>26.297.770.962</u>

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	414.190	9.381.964.915	1.055.089	24.312.262.588
EUR	99.473	2.525.874.705	99.501	2.779.448.070
		<u>11.907.839.620</u>		<u>27.091.710.658</u>

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	69.373.500.740	259.605.123.454
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	258.186.988.860	100.485.556.546
	<u>327.560.489.600</u>	<u>360.090.680.000</u>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2021	2020
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng và dịch vụ gia công	1.222.072.012.378	1.035.377.859.508
▪ Cung cấp dịch vụ	75.399.880.678	106.676.519.317
	<hr/> 1.297.471.893.056	<hr/> 1.142.054.378.825
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	-	(114.183.266)
		<hr/> (114.183.266)
Doanh thu thuần	<hr/> 1.297.471.893.056	<hr/> 1.141.940.195.559

29. Giá vốn hàng bán

	2021	2020
	VND	VND
Hàng hoá đã bán và dịch vụ gia công	1.097.171.221.129	1.005.807.896.149
Dịch vụ đã cung cấp	33.269.798.379	51.770.111.597
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	315.564.580	(4.543.899.238)
	<hr/> 1.130.756.584.088	<hr/> 1.053.034.108.508

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2021 VND	2020 VND
Cổ tức	210.555.341.418	194.382.892.515
Lãi tiền gửi và cho vay	84.045.974.258	99.701.265.054
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư vào công ty liên kết	19.827.839.752	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.512.142.877	2.037.070.256
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.603.255.048	11.176.177
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.209.744.966
	<hr/>	<hr/>
	326.544.553.353	297.342.148.968

31. Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	35.029.480.087	59.319.608.732
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	(5.525.141.059)	22.096.764.513
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.171.696.466	641.359.858
	<hr/>	<hr/>
	30.676.035.494	82.057.733.103

32. Chi phí bán hàng

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	10.330.439.157	10.903.992.343
Chi phí khấu hao và phân bổ	12.760.233.109	13.250.003.699
Cước vận chuyển quốc tế	6.277.105.704	17.144.565.747
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.493.207.933	2.715.573.478
Các chi phí bán hàng khác	9.420.852.679	14.737.254.370
	<hr/>	<hr/>
	41.281.838.582	58.751.389.637

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	45.936.658.566	41.111.641.175
Chi phí khấu hao và phân bổ	6.297.347.677	7.989.601.474
Chi phí thuê đất và nhà cửa	20.208.867.211	19.362.853.873
Công tác phí	1.675.016.334	2.471.134.199
Chi phí thuế, phí và lệ phí	629.143.353	315.300.544
Chi phí điện, nước, điện thoại	1.898.354.947	1.278.012.338
Chi phí tư vấn, dịch vụ chuyên môn	2.937.845.455	2.782.779.221
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	32.961.266.548	28.803.802.852
	<hr/> 112.544.500.091	<hr/> 104.115.125.676 <hr/>

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	566.034.678.864	431.368.028.400
Chi phí nhân viên	106.001.305.138	93.595.489.997
Chi phí khấu hao và phân bổ	111.227.013.555	112.392.933.867
Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.687.503.977	132.081.513.225
Chi phí khác	21.869.093.937	49.065.543.564
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

35. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021	2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	310.938.699.755	146.202.152.397
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	62.187.739.951	29.240.430.479
Giá trị thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	915.937.976	3.959.642.846
Giá trị thuế của thu nhập không bị tính thuế	(42.111.068.284)	(38.876.578.503)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận cho lỗ năm hiện hành	-	5.676.505.178
Lỗ tính thuế đã sử dụng	(20.529.199.813)	-
	463.409.830	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc

STT	Đơn vị	Chi tiết doanh thu					Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN 2021 VND
		Tổng doanh thu 2021 VND	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 2021 VND	Doanh thu hoạt động tài chính 2021 VND	Thu nhập khác 2021 VND	Thu nhập khác 2021 VND	
1	Văn phòng Công ty mẹ	739.971.618.652	412.171.079.768	322.951.447.975	4.849.090.909	217.191.540.623	
2	Các đơn vị phụ thuộc						
	Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	287.482.420	-	562.554	286.919.866	279.897.507	
	Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	440.287.887.766	440.193.397.238	94.490.528	-	50.628.182.266	
	Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	422.535.076.868	419.099.174.696	3.435.902.172	-	42.344.839.165	
	Trung tâm Thời trang Vinatex	26.071.988.250	26.008.241.354	61.715.762	2.031.134	59.789.674	
	Nhà máy May Quế Sơn	434.362	-	434.362	-	(28.959.310)	
3	Tổng cộng	1.629.154.488.318	1.297.471.893.056	326.544.553.353	5.138.041.909	310.475.289.925	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Các công ty con cấp 1 và cấp 2		
Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3		
Bù trừ phải thu ngắn hạn khác với phải trả ngắn hạn khác	522.970.203	-
Thu hồi gốc vay	36.423.584.350	1.247.037.776
Thu hồi lãi vay	4.445.541.502	-
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	132.593.404.512	154.145.044.722
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	-	10.454.618
Lãi và phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.245.947.736	1.852.377.776
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.429.000.395	1.315.052.055
Thu hồi lãi và phí vay nguồn vốn vay ngân hàng Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.283.480.884	1.988.568.803
Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng		
Bán hàng hóa	50.705.067.175	904.762
Doanh thu cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ	22.918.665.549	25.309.526.158
Cổ tức	12.740.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Cổ tức	14.615.621.000	21.923.431.500
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	687.686.122	1.630.622.519
Doanh thu cho thuê tài sản	14.595.411.329	17.601.334.337
Mua hàng hóa	3.040.909	3.464.072.728
Lãi và phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	3.507.645.104	5.217.602.624
Thu hồi lãi và phí vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	3.613.310.120	5.606.299.041
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	4.022.982.540	3.707.344.731
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất Nhập Khẩu Dệt May		
Cho vay	3.500.000.000	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Bán hàng hóa	42.700.000	1.870.215.480
Cung cấp dịch vụ	25.428.450	260.615.274
Cổ tức	44.890.555.200	59.854.073.600
Lãi trả chậm tiền cổ tức	-	1.175.476.393
Lãi và phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay		
Ngân hàng Phát triển Châu Á	8.714.506.345	12.963.395.407
Thu hồi lãi và phí vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	8.981.381.038	13.894.622.137
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	9.999.504.809	9.188.048.569
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
Bán hàng hóa	1.800.000	-
Cung cấp dịch vụ	-	26.809.524
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	63.636.400
Cho vay và thu hồi gốc vay	-	20.000.000.000
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	-	415.851.361
Thu hồi lãi và phí vay nguồn vốn vay		
Ngân hàng Phát triển Châu Á	3.669.728.039	5.683.457.866
Lãi và phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay		
Ngân hàng Phát triển Châu Á	3.562.440.245	5.299.790.905
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	4.085.797.262	3.759.603.087
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
Cổ tức	3.649.850.000	-
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	4.549.957.195	4.854.118.720
Bán hàng hóa	29.600.248.020	-
Cung cấp dịch vụ	75.920.000	25.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	30.577.567.520	604.216.500
Thu hồi lãi và phí vay nguồn vốn vay		
Ngân hàng Phát triển Châu Á	2.271.873.069	3.521.937.666
Lãi và phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay		
Ngân hàng Phát triển Châu Á	2.206.213.611	3.278.572.873
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	2.529.396.098	2.329.253.203
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Cổ tức	15.345.939.000	2.557.875.000
Cung cấp dịch vụ	130.000.000	51.809.524
Góp vốn	-	34.461.056.000

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Cổ tức	9.584.736.000	5.111.859.200
Cung cấp dịch vụ	29.000.000	25.361.905
Thu hồi lãi và phí vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.371.433.846	2.127.100.432
Lãi và phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.332.534.266	1.982.721.206
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.526.853.767	1.406.664.007
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương		
Doanh thu cho thuê tài sản	-	18.500.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	812.264.071
Cổ tức	-	1.820.271.396
Cho vay	9.600.000.000	-
Bù trừ phải thu về cổ tức với phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi	1.693.254.921	-
Bù trừ trả trước cho người bán ngắn hạn với phải trả ngắn hạn khác và phải trả người bán ngắn hạn	6.798.389.740	-
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
Bán hàng hóa	4.319.288.262	23.916.428.404
Cung cấp dịch vụ	449.099.826	496.529.318
Cổ tức	1.656.450.379	372.873.718
Ghi giảm cổ tức	2.042.075.661	-
Mua hàng hóa	315.496.455	9.242.745.564
Thu hồi lãi và phí vay	1.017.555.441	2.815.357.789
Lãi và phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	987.190.152	1.468.410.445
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.132.970.940	1.042.501.893
Bù trừ phải thu về cổ tức với phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi	3.055.465.397	-
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex		
Thu hồi gốc vay	23.700.000.000	-
Bán hàng hóa	26.800.000	904.762
Lãi vay	648.372.603	-
Thu hồi gốc vay dự án May Tuyên Quang	11.621.558.440	-
Trả hộ tiền lãi vay dự án May Tuyên Quang	3.229.722.033	-
Thu hồi lãi vay dự án May Tuyên Quang	1.810.015.224	-
Chuyển khoản phải thu ngắn hạn khác thành phải thu về cho vay ngắn hạn	-	2.236.722.221
Chuyển khoản phải thu dài hạn khác thành phải thu về cho vay ngắn hạn	-	21.463.277.779
Bù trừ phải thu dài hạn khác với phải trả ngắn hạn khác	-	9.564.631.384
Điều chỉnh giảm khoản đầu tư và tăng khoản phải thu dài hạn khác	-	32.856.238.375

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex		
Cho vay	10.000.000.000	-
Lãi vay	110.136.986	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối		
Doanh thu cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ	9.453.493.750	6.418.544.288
Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh – công ty con cấp 2		
Cung cấp dịch vụ	-	723.810
<i>Các công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex		
Cổ tức	3.727.500.000	3.727.500.000
Cung cấp dịch vụ	1.047.332.800	786.103.200
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP		
Cổ tức	24.637.500.000	16.753.500.000
Doanh thu bán hàng	2.760.000	25.815.573
Tổng Công ty May 10 – CTCP		
Cổ tức	10.227.398.000	12.272.877.600
Cung cấp dịch vụ	745.957.562	1.467.730.046
Mua hàng hóa	7.976.157.902	6.667.327.956
Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai		
Cổ tức	-	9.837.828.000
Cung cấp dịch vụ	26.800.000	180.952
Mua hàng hóa	37.272.727	269.000.000
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	1.799.999.996	1.804.931.503
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị		
Cổ tức	20.860.176.000	6.953.392.000
Bán hàng hóa	-	1.085.714
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Cổ tức	926.100.000	1.984.500.000
Cung cấp dịch vụ	409.664.913	489.199.068
Mua hàng hóa	-	13.636.364
Công ty Cổ phần May Chiến Thắng		
Cổ tức	612.000.000	-
Doanh thu bán hàng hóa	1.200.000	180.952

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty Cổ phần May Đáp Cầu		
Cổ tức	2.461.095.000	1.640.730.000
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	22.775.000	180.952
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP		
Cổ tức	7.923.055.000	6.338.446.000
Mua hàng hóa	130.737.390.680	89.647.152.865
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Cổ tức	16.087.104.000	26.811.840.000
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	3.284.025.940
Mua hàng hóa	15.399.999	24.149.636
Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP		
Cổ tức	14.230.337.500	6.640.824.960
Cung cấp dịch vụ	103.600.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam Định		
Doanh thu bán hàng hóa	1.271.208.747	734.236.650
Công ty Cổ phần May Nam Định		
Cổ tức	1.350.000.000	1.350.000.000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	168.988.659	8.671.398.024
Mua hàng hóa	-	16.184.624.543
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Cổ tức	5.040.000.000	6.048.000.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.625.048.270	2.083.795.865
Mua hàng hóa	20.372.727	52.912.273
Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng		
Cổ tức	900.000.000	900.000.000
Bán hàng hóa	1.800.000	-
<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác</i>		
Công ty Cổ phần Vinatex OJ		
Cổ tức	1.132.000.000	1.161.500.000

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Lê Tiến Trường – Chủ tịch	1.302.200.000	1.177.241.970
Ông Trần Quang Nghị - Phó Chủ tịch	217.304.000	1.042.826.668
Ông Đặng Vũ Hùng - Ủy viên	864.500.000	622.583.488
Ông Vũ Hồng Tuấn - Ủy viên	710.000.000	180,520,493
Ông Nguyễn Xuân Đông - Ủy viên	54.000.000	-
Ông Lê Khắc Hiệp - Ủy viên	54.000.000	108.000.000
Cơ quan Tổng Giám đốc		
Ông Cao Hữu Hiếu – Tổng Giám đốc	1.046.275.000	797.008.333
Những người quản lý khác	4.848.345.000	3.840.619.313

38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2021 VND	2020 VND
Giảm khoản đầu tư vào công ty con và tăng khoản phải thu dài hạn khác theo Quyết định số 122/QĐ-TĐDMVN liên quan đến Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may Miền Bắc - Vinatex do Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2020	-	32.856.238.375
Bù trừ phải thu dài hạn khác với phải trả ngắn hạn khác của TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex	-	9.564.631.384
Bù trừ phải thu về cho vay ngắn hạn với phải trả ngắn hạn khác của Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt 8/3 (Thuyết minh 20(iii) và 20(iv))	-	24.152.978.602
Chuyển đổi phải thu ngắn hạn khác và phải thu dài hạn khác thành phải thu về cho vay ngắn hạn của TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex	-	23.700.000.000
Tăng khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt Kim Đông Phương và tăng khoản phải trả ngắn hạn khác	-	98.544.768
Bù trừ khoản phải thu về cổ tức với phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi của các công ty con	4.748.720.318	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc



Số: *124*/TĐDMVN-TCKT
V/v: Giải trình chênh lệch LNST
trên BCTC kiểm toán năm 2021

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, giải trình khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên hoặc kết quả kinh doanh trong kỳ báo cáo bị lỗ.

Về vấn đề này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam (mã CK: VGT) xin được giải trình biến động của lợi nhuận sau thuế năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Tập đoàn như sau:

Đối với báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ năm 2021:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020: 146.202.152.397 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021: 310.475.289.925 đồng

Chênh lệch tăng: 164.273.137.528 đồng, tương đương tỷ lệ tăng 112.4% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với báo cáo tài chính kiểm toán Hợp nhất năm 2021:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất năm 2020: 560.541.190.728 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất năm 2021: 1.323.913.301.495 đồng

Chênh lệch tăng: 763.372.110.767 đồng, tương đương tỷ lệ tăng 136,2% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân chính:

Lợi nhuận năm 2021 của Công ty mẹ và Hợp nhất toàn Tập đoàn tăng so với năm 2020 chủ yếu do sự đóng góp của lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn. Sau năm 2019 – 2020 bị ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh thương mại Mỹ Trung và dịch bệnh Covid 19 lan rộng trên toàn cầu, thị trường dệt may năm 2021 đã có sự phục hồi mạnh với đơn hàng đều đặn và giá bán tốt. Các đơn vị kinh doanh Sợi trong Tập đoàn đều có kết quả kinh doanh tốt, đóng góp đáng kể vào kết quả chung của Tập đoàn.

Bên cạnh đó, ngay từ giữa năm, các đơn vị Sợi trong Tập đoàn đã dự báo được việc giá bông thế giới có xu hướng tăng cao, từ đó đưa ra những quyết sách

phù hợp, tích trữ được lượng bông lớn với giá thành rẻ. Thời điểm quý 4, khi giá bông tăng khiến giá sợi tăng theo, các đơn vị sợi của Tập đoàn đã thu được kết quả rất tích cực.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cam kết nội dung trong bản giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC 



Cao Hữu Hiệu